

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày 25 – 6 – 2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Như Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hoàn

2. Ông Lê Viết Phúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ba - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 93/2020/TL.ST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1978 và Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1978; Cùng trú tại: Tổ A, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (*Vắng mặt*)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1991
Địa chỉ: Khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (*Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2020*). (*Có mặt*)

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1973 và bà Trần Thị X, sinh năm 1974. (*Ông D vắng mặt, bà X có mặt*)

Cùng trú tại: Tổ B, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16 tháng 11 năm 2020, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, ông Nguyễn Thành C trình bày: Ngày 19/9/2017 giữa vợ chồng ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N (Bên A) có ký hợp đồng kinh tế về việc đầu tư phương tiện đánh bắt hải sản với vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X (Bên B), với thỏa thuận cụ thể: Bên A đầu tư cho bên B số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để sắm phương tiện đánh bắt hải sản với số đăng kiểm ĐNa 67022, ngược lại sau mỗi chuyến đi biển vào bờ Bên B phải bán lại hải sản khai thác được cho bên A (gọi là đầu nậu). Sau khi nhận bàn giao toàn bộ số tiền trên của Bên A, Bên B tiến hành thay đổi đăng ký cho tàu cá ĐNa 67022 thành tàu cá với số đăng kiểm QNa 92224 để đủ điều kiện đi khai thác hải sản. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X có đi khai thác hải sản và về bán lại cho vợ chồng ông K, bà N được 02 đến 03 lần thì đến giữa năm 2018 thì không bán cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N như thỏa thuận, mặc dù có đi khai thác hải sản. Ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N cho rằng vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X phải trả lại cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) theo quy định của pháp luật.

Tại Bản trình bày ngày 21 tháng 12 năm 2020, các biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2020, biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, ông Trần Văn D trình bày: Ngày 19/9/2017 vợ chồng ông có ký “Hợp đồng kinh tế về việc đầu tư phương tiện đánh bắt hải sản” với vợ chồng ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N. Vợ chồng ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N có đầu tư cho vợ chồng ông số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để sắm phương tiện là tàu cá QNa 92224 để vợ chồng ông đi đánh bắt hải sản về bán lại cho vợ chồng ông K và bà N (gọi là bên đầu nậu). Kể từ khi ký kết hợp đồng năm 2017, năm 2018, năm 2019 vợ chồng ông có đi đánh bắt hải sản về cân bán lại cho vợ chồng ông K và bà N, nhưng nửa năm 2019 và năm 2020 vì do tình hình chung mất mùa cá nên vợ chồng ông đi đánh bắt nhưng không đủ hải sản để bán lại cho vợ chồng ông K và bà N, đồng thời mỗi chuyến biển cần có số lượng ít nhất 4 người (04 thuyền viên), và phải trả công cho thuyền viên khi đánh bắt, nhưng chuyến đi không có cá sẽ gây thua lỗ vì vậy nên vợ chồng ông rất khó khăn trong việc thuê người đi biển.

Việc ông K, bà N yêu cầu vợ chồng ông trả lại số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) vì lý do vợ chồng ông đi đánh bắt hải sản nhưng về không bán lại cho vợ chồng ông K như thỏa thuận thì vợ chồng ông không đồng ý. Ông Trần Văn D và bà Trần Thị X đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng như thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; đương sự đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, lời khai nhận của đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được cho thấy: Căn cứ nội dung thỏa thuận giữa vợ chồng ông Trần Văn K và Huỳnh Thị Thúy N với vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X ngày 19/9/2017 thì ông D và bà X có nhận của ông K và bà N 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), thực tế có đi đánh bắt hải sản và bán lại cho ông K và bà N đến giữa năm 2019 thì không bán nữa như thỏa thuận. Lý do ông D và bà X khai nại là do biển mất mùa nên đánh bắt không có hải sản để bán lại cho ông K và bà N, không có lao động nhưng thực tế qua xác minh tại Đồn Biên phòng Đ, thành phố H và Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Nam thể hiện năm 2019, tàu cá số đăng kiểm 92224 do ông Trần Văn D là chủ phương tiện đã đi khai thác 04 đợt với tổng sản lượng là 2.184kg hải sản các loại; năm 2020 cũng đã đi khai thác 04 đợt với tổng sản lượng là 920kg hải sản các loại nhưng không bán cho ông K và bà N, đã vi phạm thỏa thuận đã cam kết. Do đó, ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N khởi kiện ông Trần Văn D và bà Trần Thị X để đòi lại khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) vì vi phạm thỏa thuận đi khai thác hải sản mà không bán lại cho ông K và bà N như thỏa thuận ngày 19/9/2017 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Do đó, căn cứ các Điều 116, 119, 166, 351 và Điều 358 của [Bộ luật Dân sự](#) năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N, buộc ông Trần Văn D và bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà N khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) của Văn bản thỏa thuận ngày 19/9/2017.

Về án phí, ông Trần Văn D và bà Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản từ một giao dịch dân sự do vi phạm nghĩa vụ đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường C, thành phố H. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng như bị đơn thừa nhận ngày 19/9/2017 vợ chồng ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N tự nguyện thỏa thuận với vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị X với nội dung: Ông K và bà N đóng góp khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để ông D và bà X đầu tư sắm tàu, phương tiện để phục vụ đánh bắt hải sản, ông D và bà X có nghĩa vụ đi khai thác hải sản về bán lại cho ông K và bà N với giá thỏa thuận. Ngoài ra, giữa các bên không còn thỏa thuận nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa vợ chồng ông K và bà N với vợ chồng ông D và bà X đã xác lập một giao dịch dân sự vào ngày 19/9/2017.

Nguyên đơn cho rằng kể từ ngày xác lập giao dịch ngày 19/9/2017, vợ chồng ông Trần Văn D nhận của vợ chồng ông Trần Văn K số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiến hành thay đổi đăng kiểm tàu cá từ số ĐNa 67022 thành số đăng kiểm QNa 92224 để đủ điều kiện đi khai thác hải sản. Sau đó, vợ chồng ông D có đi khai thác hải sản về bán lại cho ông K và bà N chỉ được vài chuyến cho đến giữa năm 2018 thì không bán cho ông K và bà N nữa, là vi phạm nội dung đã thỏa thuận nên khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D và bà Trần Thị X trả lại cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N khoản tiền đã đầu tư 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Trong khi ông Trần Văn D và bà Trần Thị X thì cho rằng nguyên nhân từ năm 2019 cho đến nay ông D có đi đánh bắt hải sản nhưng do biển mất mùa, cá ít nên không bán cho vợ chồng ông K và bà N như thỏa thuận. Tại phiên tòa, bà Trần Thị X thừa nhận sản lượng khai thác hải sản năm 2019 và 2020 như nhật ký khai thác mà Chi cục thủy sản cung cấp là đúng, bà X thừa nhận không bán sản lượng khai thác hải sản này là do bà nghĩ rằng vợ chồng ông K, bà N không mua loại hải sản này và bà chấp nhận trả lại cho vợ chồng ông K khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), mỗi năm trả từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại

Biên bản xác minh ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An tại Đoàn Biên phòng Đ thành phố H và tại Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Nam ngày 18/6/2021 thể hiện: Ông Trần Văn D có tàu cá số đăng ký QNa 92224 theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 0181/2019 ngày 26/4/2019 của cơ quan đăng kiểm Chi cục thủy sản Quảng Nam, tàu cá QNa 92224 có khai báo với Đoàn biên phòng mỗi lần xuất, nhập bến; đối với sản lượng hải sản khai thác được do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Nam cung cấp kèm nhật ký khai thác thủy sản thể hiện năm 2019, tàu cá số đăng kiểm 92224 do ông Trần Văn D là chủ phương tiện đã đi khai thác 04 đợt, mỗi đợt có ít nhất là 04 thuyền viên với tổng sản lượng hải sản khai thác là 2.184kg các loại; năm 2020 cũng đã đi khai thác 04 đợt, mỗi đợt có ít nhất là 04 thuyền viên với tổng sản lượng hải sản khai thác được là 920kg các loại. Do đó, việc tàu cá ông Trần Văn D có đi khai thác hải sản nhưng không bán lại cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N là vi phạm nội dung thỏa thuận ngày 19/9/2017, phù hợp với các biên bản xác minh vào các ngày 22/5/2021, ngày 09/6/2021, ngày 15/6/2021 tại địa phương phường C về việc vi phạm nghĩa vụ đối với tập quán đầu tư tiền để người khác đi khai thác hải sản (gọi là “đầu nậu”).

Từ những nhận định trên, ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N khởi kiện ông Trần Văn D và bà Trần Thị X để đòi lại khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) do ông D và bà X vi phạm thỏa thuận của giao dịch ngày 19/9/2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2016. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 166, 351 và Điều 358 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N đối với ông Trần Văn D và bà Trần Thị X.

Ông Trần Văn D và bà Trần Thị X có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N khoản tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) theo nội dung của giao dịch dân sự ngày 19/9/2017.

2. Về án phí: Ông Trần Văn D và bà Trần Thị X liên đới phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Hoàn trả lại cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị Thúy N khoản tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) mà ông K và bà N đã nộp theo Biên lai thu số 5002 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/6/2021), đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp. Hội An;
- THADS Tp. Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu S,AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Như Biên